

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Hoàng Phúc;

Ông Dương Văn Đến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn M, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị với anh Đinh Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào 2006 trên cơ sở tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19 tháng 6 năm 2006. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006. Hiện con đang sống với anh M. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung có hạnh phúc được đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở từ năm tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn M.

Về con chung: Chị T yêu cầu giao con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006 cho anh Đinh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 01 năm 2021, anh Đinh Văn M là bị đơn trình bày: Anh với chị Huỳnh Thị T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006 do quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19 tháng 6 năm 2006. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006, hiện đang sống với anh M. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, anh chị có cự cãi với nhau. Mỗi lần cự cãi thì chị T lại bỏ nhà đi. Mỗi lần như vậy anh M có năn nỉ thì chị T về. Sau đó có cự cãi thì lại tiếp tục bỏ đi. Từ khi kết hôn đến nay chị T đã bỏ đi 04 lần. Lần gần đây nhất là vào tháng 4 năm 2018, chị T bỏ đi đến nay không trở về nữa.

Nay đối với các yêu cầu của chị T anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh M thống nhất ly hôn với chị Huỳnh Thị T.

Về con chung: Anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006. Anh M không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Em Đinh Thiên H là con chung của chị T và anh M có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của em muốn sống với cha.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải đoàn tụ không thành do anh Đinh Văn M vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Huỳnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị T, anh M đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T. Tuyên xử chị T được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006. Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa chị Huỳnh Thị T và anh Đinh Văn M vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả chị T và anh M.

[2] Về mặt nội dung: Chị Huỳnh Thị T và anh Đinh Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19 tháng 6 năm 2006. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Anh M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi khi cự cãi thì chị T lại bỏ nhà ra đi. Từ khi kết hôn đến nay đã bỏ đi 04 lần. Lần gần đây nhất là vào tháng 4 năm 2018, chị T bỏ đi đến nay không về. Xét thấy cả chị T và anh M đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh M cũng thống nhất. Điều đó cho thấy giữa chị T và anh M đã không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của của chị T cũng như ý kiến thống nhất ly hôn của anh M là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Em Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006 đã trên 07 tuổi và hiện đang sống chung với anh M. Nguyên vọng của em H muốn sống với cha. Xét thấy nguyện vọng của em H phù hợp với yêu cầu của của chị T và ý kiến của anh M. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử

xét thấy cần giao em H cho anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh M thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp với ý kiến của các đương sự nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56, 57, 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Đinh Văn M.

Về con chung: Giao con chung tên Đinh Thiên H, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2006 cho anh Đinh Văn M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị T và anh Đinh Văn M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Đinh Văn M thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003705 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh nên chị T không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa